| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 17/2026/QĐST-VLĐ | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
# V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*: Bà Lê Thị Bích Huế.

*Thư ký phiên họp*: Bà Nguyễn Mai Mỹ Duyên

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Ông Bùi Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 09/2026/TLST-VLĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 31/2026/QĐST-VLĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Nèang Kim C, sinh năm 1996; CCCD số 089196004291 ngày 12/5/2022; địa chỉ thường trú: Tổ H, ấp M, xã A, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ E, ấp E, phường T, thành phố Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, sinh năm 1967; CCCD số 074067001436 cấp ngày 25/4/2021; địa chỉ: Số A A, tổ B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giao dịch uỷ quyền ngày 13/3/2026.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH D; địa chỉ: Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông W, T - T – Giám đốc.

- Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1; địa chỉ: Đường Đ, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nèang N, sinh năm 1999; CCCD số 089199015609 ngày 14/7/2022; địa chỉ thường trú: Tổ A, ấp T, xã B, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ E, khu phố Ô, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Những người tham gia tố tụng khác:* Không.

## NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

*- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động ngày 12/3/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết việc lao động, bà Nèang Kim C trình bày:*

Năm 2014, bà Nèang Kim C làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2015, bà Nèang N là em ruột của bà muốn đi làm nhưng do chưa đủ tuổi làm hồ sơ xin việc nên bà C cho bà N mượn hồ sơ lý lịch để xin việc làm tại Công ty TNHH D; địa chỉ: Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38, khu phố H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (gọi tắt là Công ty D1).

Bà N, sinh ngày 01/01/1999, được nhận vào làm việc tại Công ty D1 và ký Hợp đồng lao động năm 2015, được Công ty T2 bảo hiểm với tên của bà C. Sau đó, khi bà N đủ tuổi lao động, bà N ký Hợp đồng lao động với Công ty khác với tên đúng là Nèang N.

Năm 2025, bà Kim C xin nghỉ việc, làm thủ tục lãnh tiền bảo hiểm xã hội nhưng do có hai người cùng một hồ sơ nên Bảo hiểm xã hội không làm thủ tục được. Đến nay, do thời gian quá lâu, Hợp đồng lao động giữa Công ty D1 với bà N mang tên của C đã thất lạc nên không cung cấp cho Tòa được. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người có tên Nèang Kim C (do Nèang N ký) với Công ty D1 bị vô hiệu. Bà C không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nèang N trình bày tại Bản tự khai ngày 27/7/2026 như sau:* Năm 2015, do bà Nèang N đi làm nhưng chưa đủ tuổi để ký kết Hợp đồng lao động nên đã lấy hồ sơ lý lịch của bà N1 Kim Chang để xin vào làm việc tại Công ty D1. Bà N ký Hợp đồng lao động với Công ty nhưng sử dụng thông tin, hồ sơ của bà Nèang Kim C và bà được Công ty tham gia đóng bảo hiểm xã hội với tên C. Được một năm thì bà đủ tuổi lao động nên bà làm lại hồ sơ xin vào Công ty khác. Bà N thống nhất với toàn bộ yêu cầu của bà C, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nèang Kim C với Công ty D1 vô hiệu, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến bà trong việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty D1 do ông Weng Teng T, là người đại diện theo pháp luật trình bày tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 16/7/2026 như sau*: Người lao động có tên Nèang Kim C có làm việc tại Công ty D1 từ ngày 14/04/2015 đến tháng 01/2016 và có ký Hợp đồng lao động, Công ty có tham gia bảo hiểm cho bà C từ tháng 06/2015 với số sổ 7415120284 tại Bảo hiểm xã hội huyện T theo quy định của pháp luật. Công ty không biết bà Nèang N sử dụng thông tin cá nhân của bà Nèang Kim C để ký Hợp đồng lao động với Công ty. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm cho bà Nèang Kim C, Công ty đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà Kim C theo quy định pháp luật. Công ty không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Uyên trình bày tại Công văn số 1025/BHXH-QLT ngày 12/8/2026 như sau*: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của bà Nèang Kim C, sinh năm 1996; CMND số 352480868,

CCCD số 08919600429 được Công ty D1 tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) theo mã số bảo hiểm xã hội 7415120284 từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2015 (kèm theo bản quá trình tham gia). Thời điểm này, Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Bảo hiểm xã hội cơ sở B. Đã xác nhận quá trình đóng BHXH, BHTN. Theo quy định hiện hành, Cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu giữ Hợp đồng lao động và các giấy tờ tuỳ thân của người lao động mà do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ. Tại thời điểm tra cứu, Mã số 7415120284, bà C chưa hưởng chế độ BHXH một lần, chưa hưởng BHTN. Trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu đề nghị Tòa án buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc lao động: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nèang Kim C với Công ty D1 bị vô hiệu là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Bà C yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động do bà N lấy tên của bà ký với Công ty D1 vô hiệu. Hợp đồng được giao kết và thực hiện tại Công ty D1, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025, yêu cầu của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nói trên theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ lao động phát sinh tranh chấp từ năm 2015, thời điểm Bộ luật Lao động năm 2012 có hiệu lực. Khoản 2 Điều 58 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: "*Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực*". Do đó, các quy định của Bộ luật Lao động năm 2012 được áp dụng để giải quyết yêu cầu giải quyết việc lao động của bà C.

[4] Qua các tài liệu, chứng cứ và lời khai nhận của các đương sự cho thấy: Từ tháng 06/2015 đến tháng 12/2015, bà Nèang Kim C, được Công ty D1 tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN, với mã số BHXH 7415120284. Quan hệ lao động giữa Công ty với bà Nèang Kim C phát sinh từ hợp đồng lao động. Bà C và bà N cùng thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty là bà N, không phải bà C. Do bà N mượn hồ sơ bà C đi làm việc khi chưa đủ tuổi lao động. Lời trình bày của bà C và bà N phù hợp với hồ sơ do cơ quan bảo hiểm cung cấp.

[5] Xét thấy, việc bà N sử dụng hồ sơ của bà C để giao kết hợp đồng lao động với Công ty D1 là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012 nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động bị vô hiệu toàn bộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012. Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 cung cấp thông tin về thời gian đóng BHXH của C bị trùng từ tháng 06/2015 đến tháng 12/2015. Do đó, bà C yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động có tên Nèang Kim C với Công ty D1 bị vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để được giải quyết các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Bà C và bà N có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cải chính thông tin thân nhân, điều chỉnh quá trình tham gia BHXH theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về lệ phí: Bà Nèang Kim C phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

- Căn cứ khoản 2 Điều 58 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nèang Kim C về việc

yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký tên người lao động Nèang Kim C, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Tổ H, ấp M, xã A, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ E, ấp E, phường T, thành phố Đ với người sử dụng lao động Công ty TNHH D, là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nèang Kim C phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0023989 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc lao động có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - TP. Hồ Chí Minh;
- P.THADS khu vực 17 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lê Thị Bích Huế**